



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 426- 2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/12/2020

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đồng Xuân
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 160B03/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 01/12/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,02
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1,14
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	8,08
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	26,28
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	5,20
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	114
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,35
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10,6
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,06
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,53
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC  
PHÚ YÊN

Nguyễn Văn Phong

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

*Nguyễn Tấn Thuận*

- (\*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 04

Ngày ban hành: 31/03/2020

Ngày: 18/12/2020  
Trang: 1/1

Số: 427 - 2020/KQ

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyên Trần Hưng Đạo - NMN Đồng Xuân
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 160M<sub>1</sub>03/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 01/12/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,03
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1,15
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	7,75
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	25,97
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	5,20
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	101
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,30
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10,2
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,01
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,43
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



*Nguyễn Tấn Thuận*

*Nguyễn Văn Phong*

*Võ Bá Duy Huân*

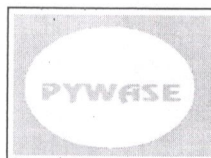
Ghi chú:

- (\*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 04

Ngày ban hành: 31/03/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.  
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 428 - 2020/KQ

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày: 18/12/2020  
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối Tuyên Long An - NMN Đồng Xuân
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 160M<sub>2</sub>03/20
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 01/12/2020
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,04
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1,10
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOQ=0,05)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	7,75
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	25,97
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOQ=0,01)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOQ=4,92)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	110
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,25
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	10,4
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ=0,04)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOQ=0,57)
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,056
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,21
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

**BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

*Nguyễn Tấn Thuận*

*Nguyễn Văn Phong*

*Võ Bá Duy Huân*

Ghi chú:

- (\*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 04

Ngày ban hành: 31/03/2020